TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-STNgày 16.02.2023
V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Xoa

Ông Phạm Công Lương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-DS về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-DS ngày 19/9/2022, quyết định hoãn phiên tòa ngày 29/9/2022, thông báo mở lại phiên tòa số 13/TB-TA ngày 12/10/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 25.10.2022, thông báo mở lại phiên tòa ngày 25/11/2022, thông báo hoãn phiên tòa ngày 22/12/2022, thông báo hoãn phiên tòa ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Bà Trần Thị T sinh năm 1961. Địa chỉ: 98/1 P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1967. Địa chỉ: A 307 C, Tổ 28, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: 98/1 98/1 P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 58, đường M, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: 98/198/1 P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C: ông

Trần Văn H sinh năm 1963. Địa chỉ: 919 Ng, phường A, quận Sơ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: K338/57 đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1975. Địa chỉ: K338/57 đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng . Vắng mặt.

2. Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1969. Địa chỉ: K183/7 P, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thu N, sinh năm 1970 . Địa chỉ: 18 L, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1969. Vắng mặt.

5. Chị Trần Đình Phương T, sinh năm 2000. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1972. Có mặt.

7. Anh Trần Ngọc M, sinh năm 1996. Vắng mặt.

8. Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 2004. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: K338/57 đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng

9. Anh Võ Như H.

10. Chị Huỳnh Thị Kim Ph.

Cùng địa chỉ K338/59 A đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Sinh thời cha mẹ các bà là cụ ông Trần Ngọc H, cụ bà Phạm Thị M sinh hạ được 07 (bảy) người con gồm các ông, bà: Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Ngọc L, Trần Ngọc T, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K. Cha mẹ các bà không có con riêng và con nuôi.

Quá trình chung sống cha mẹ các bà đã tạo lập được một căn nhà 02 tầng, tường xây, mái đúc và nhà cấp 4 mái ngói, sàn đúc trên lô đất có diện tích 200m^2 đất ở và 14,5m^2 đất khuôn viên tại địa chỉ K338/57 đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng đã

được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401100353 ngày 27/6/2000.

Năm 2005 cha các bà chết không để lại di chúc. Năm 2009 mẹ các bà đã tặng phần di sản của là ½ nhà đất trong khối tài sản chung với cha nói trên cho ông Trần Ngọc L và ông Trần Ngọc T. Năm 2020 mẹ các bà chết.

Sau khi được tặng cho ½ nhà đất của cha mẹ, do nhà cấp 4 bị hư hỏng, ông T có xây dựng lại khối nhà phía sau như hiện nay. Đối với phần nhà phía trước, ông L có xây dựng thêm phòng phía trước lợp tôn để kinh doanh ga, phần nhà 02 tầng của cha mẹ để lại vẫn giữ nguyên. Căn nhà hiện nay do ông Trần Ngọc L và ông Trần Ngọc T đang quản lý và sử dụng.

Nay các bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ nhà đất của cha mẹ các bà là cụ Trần Ngọc H, cụ Phạm Thị M nói trên. Các bà đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền. Các bà đồng ý trích trả lại phần xây dựng thêm của ông L, ông T nếu có căn cứ chứng minh.

Các bà đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty Cổ phần định giá và Tư vấn Đà Nẵng, tổng trị giá nhà đất của cha mẹ các bà để lại là 13.568.409.000 đồng. Đồng ý với kết quả đo đạc tổng diện tích đất thực tế hiện nay là 214,4m^2. Không tranh chấp đối với ½ nhà đất mẹ các bà đã tặng cho ông Trần Ngọc T, ông Trần Ngọc L theo Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 4475 quyển số ?TP/CC – SCC/HĐGD ngày 21 tháng 10 năm 2009 tại Văn Phòng Công chứng B, được Văn phòng đăng ký đất đai quận H chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận ngày 02/11/2009 (không xác định ranh giới).

Về việc ông L yêu cầu trích trả công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo di sản 500.000.000 đồng các bà không đồng ý vì khi cha mất, mẹ là người tiếp tục hương khói. Mỗi khi gia đình có đám giỗ chạp, lễ tết trong năm đều có sự đóng góp của các con. Mẹ các bà mới mất năm 2020 nên việc hương khói của ông L không đáng kể. Riêng việc chăm sóc cha mẹ lúc ốm đau kể cả khi cha mẹ mất và những lần cúng giỗ các anh chị em trong nhà đều chung tay góp sức từ chi tiết nhỏ nhất không riêng ông L. Khi mẹ các bà nằm xuống tiền phúng điếu hương đèn do vợ chồng ông L và con ông L nhận không công khai.

Về việc trùng tu và sửa chữa mộ phần cho cha mẹ của ông L không có sự thống nhất của các anh chị em, ông L đưa ra mức 120.000.000 đồng là không hợp lý, các bà chỉ chấp nhận số tiền 90.000.000 đồng, các bà tự nguyện trả 12.857.142 đồng cho ông Trần Ngọc L.

Bị đơn ông Trần Ngọc Ltrình bày: Ông đồng ý di sản thừa kế của cha ông là ông Trần Ngọc H để lại là ½ nhà đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 9, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo hồ sơ gốc số 9361 cấp ngày 27/6/2000 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp cho cụ ông Trần Ngọc H, cụ bà Phạm Thị M tại địa chỉ: K338/57

đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, đã được chỉnh lý biến động sang tên ½ giá trị nhà đất cho ông và ông Trần Ngọc T. Ông xác định hàng thừa kế của ba ông là má ông bà Phạm Thị Mvà 07 người con chung như nguyên đơn nêu. Ba má ông không có con riêng, con nuôi. Ông đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty Cổ phần định giá và Tư vấn Đà Nẵng trị giá nhà đất đối với tài sản nêu trên là 13.568.409.000 đồng. Đồng ý với kết quả đo đạc tổng diện tích đất thực tế hiện nay là 214,4m^2 đồng. Hiện nay ông và ông T đang cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với ½ nhà đất mẹ ông tặng cho không xác định ranh giới. Ông đang ở tại khối nhà phía trước trên diện tích đất trên, ông đề nghị nhận hiện vật là nhà gắn liền với đất hiện ông đang ở, ông có nghĩa vụ thối trả lại bằng tiền cho các đồng thừa kế.

Ông có xây dựng thêm 01 phòng lợp tôn phía trước còn gọi là nhà cấp IV để kinh doanh ga, còn nhà 02 tầng của cha mẹ để lại vẫn giữ nguyên. Quá trình sử dụng ông có tu sửa quét sơn, vôi lại để ở. Ông xác nhận vợ chồng ông T có cải tạo xây dựng căn nhà phía sau 01 tầng + tầng lửng trên nền nhà cấp 4 của cha mẹ trước đây do nhà cấp 4 của cha mẹ để lại bị hư hỏng, phần tài sản này không phải là di sản thừa kế để lại của cha ông.

Về công sức quản lý di sản: Ông sống cùng cha me từ nhỏ, là người trực tiếp nộp thuế, chăm sóc cha mẹ những lúc đau ốm, trước khi tòa đưa vụ án ra xét xử ông đề nghị được tính công sức là 500.000.000 đồng, nay tại phiên tòa ông không yêu cầu số tiền cụ thể mà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Về tiền xây dựng mồ mả: Ông và bà N đã bỏ ra số tiền 120.000.000 đồng để xây mới mộ cha là cụ ông Trần Ngọc H và trùng tu, xây bao quanh toàn bộ khu mộ của gia đình. Tại phiên tòa hôm nay ông không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết mà tùy vào sự tự nguyện của các anh chị em trong gia đình.

Về việc ông cho cha mẹ ông vay 10 cây vàng 96 được thể hiện tại Đơn xin xác nhận chữ ký năm 2005, hiện tại ông không cung cấp được chữ ký của cha ông để giám định, ông thừa nhận nội dung trong đơn cha mẹ có viết trong thời gian chưa trả kịp mà cha, mẹ ông có mệnh hệ gì thì ông được trọn quyền sử dụng ngôi nhà hiện tại đang ở phần trên, nay ông yêu cầu nhận kỷ phần là nhà đất phía trên, do đó ông không yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim K, anh Trần Ngọc M, anh Trần Ngọc Q:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim K xác nhận trước đây bà là vợ ông Trần Ngọc T nhưng đã ly hôn. Hiện tại bà và các con Trần Ngọc M, Trần Ngọc Q đang sinh sống tại căn nhà 01 tầng + tầng lửng phía sau. Phần tài sản này là do bà cùng ông T xây dựng. Khi ly hôn chưa giải quyết về phần tài sản. Đây không phải là di sản thừa kế của ông H và bà M, tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà không có ý kiến gì về việc

khởi kiện của nguyên đơn. Bà xác nhận trong thời kỳ còn chung sống với mẹ chồng là cụ Phạm Thị M, sau khi cha chồng bà mất, bà C cùng mẹ chồng bà là cụ M và ông L, ông T cùng sinh sống tại nhà đất trên. Sau khi ông T được cụ M tặng cho ½ nhà đất, ông T là người đóng thuế nhà đất. Bà biết việc này là vì mỗi lần đến kỳ đóng thuế, mẹ chồng bà xuống yêu cầu bà và ông T đưa tiền. Việc ông L nói ông L là người quản lý nhà đất và đóng toàn bộ thuế là không đúng.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T:

Tại phiên tòa ông Trần Ngọc T vắng mặt nhưng có văn bản trình bày gửi Tòa án, ông T thống nhất về nguồn gốc di sản và đồng ý phân chia thừa kế. Ông T không đồng ý tiền trùng tu sữa chữa 500.000.000 đồng và chi phí mồ mả 120.000.000 đồng mà ông L yêu cầu. Ông T xác nhận từ khi cha mẹ ông qua đời không xây dựng thêm bất kỳ khu vực nào trong căn nhà, chỉ duy nhất phần mái tôn phía trước ông L lợp để kinh doanh ga. Về phần mồ mả ông L tự ý tu sửa nên không đồng ý. Việc ông L yêu cầu ông phải có trách nhiệm trả lại cho các đồng thừa kế ông không phản đối vì ông và ông L đang hưởng quyền thừa kế ngang nhau. Ông không có điều kiện để chi trả nên trường hợp ông L nhận hết quyền sử dụng nhà đất thì ông nhận giá trị tài sản, về mặt tài chính ông L có khả năng thì ông L thối trả cho các anh chị em, nếu không thì giao cả hai anh em để cùng bán ngôi nhà trên để xử lý cho các anh, chị em trong gia đình.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần NgọcK, bà Trần Thị Thu N:

Tại phiên tòa ngày 25/10/2022, ông K, bà N cùng thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, thống nhất về nguồn gốc tài sản, hàng thừa kế và phần tài sản tăng thêm của ông L, ông T cũng như kết quả thẩm định giá. Ông bà xác nhận cha mẹ ông bà là cụ ông Trần Ngọc H, cụ bà Phạm Thị M không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông, bà không tranh chấp với phần nhà đất ông L, ông T được mẹ bà tặng cho. Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 4475 quyển số ?TP/CC – SCC/HĐGD ngày 21 tháng 10 năm 2009 tại Văn Phòng Công chứng B, được Văn phòng đăng ký đất đai quận Hải Châu chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận ngày 02/11/2009 không xác định ranh giới là hợp pháp. Hiện tại ông, bà không sinh sống tại nhà đất trên nên đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền. Đồng ý trích trả lại phần giá trị tài sản tăng thêm của ông L, ông T. Không đồng ý về khoản tiền công sức đóng góp, tôn tạo di sản, chăm sóc cha mẹ của ông L

Riêng tiền xây mộ thực tế bà N cùng góp với ông L để xây mộ, đề nghị các anh chị em trong gia đình xem xét, bà N không có yêu cầu gì với Tòa.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đinh Thị L, chị Trần Đình Phương T:

Bà L là vợ và cháu To là con của ông Trần Ngọc L, hiện đang sinh sống cùng ông L trong căn nhà phía trước, không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, mọi quyết định

là của ông L, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đề nghị được nhận bằng hiện vật là phần nhà đất phía trước, bị đơn đồng ý trích trả lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 70,71,73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ nhà đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 9, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo hồ sơ gốc số 9361 cấp ngày 27/6/2000 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Trần Ngọc H, bà Phạm Thị Mtại địa chỉ: K338/57 đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng theo pháp luật, đây là tranh chấp về thừa kế nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Trần Ngọc T, Đinh Thị L, Trần Đình Phương T, Trần Ngọc M, Trần Ngọc Q, Trần Ngọc K, Trần Thị Thu C, anh Võ Như H, chị Huỳnh Thị Kim Ph vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về xác định di sản và hàng thừa kế:

[2.1.1] Về di sản: Căn nhà 02 tầng, tường xây, mái đúc + nhà cấp 4 mái ngói, sàn đúc tọa lạc trên diện tích 214,50m^2 đất (Theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng thực tế đo đạc là: 214,4m^2) tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K338/57 đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng được UBND thành

phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401100353 ngày 27/6/2000 là do cụ ông Trần Ngọc H (chết năm 2005) và cụ bà Phạm Thị M (chết năm 2020) tạo lập.

Năm 2009, cụ bà Phạm Thị M đã tự định đoạt tài sản của mình trong khối tài sản chung với cụ H, phần của cụ là ½ nhà đất cụ đã lập hợp đồng tặng cho 02 con là ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc T theo Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 4475 quyển số ?TP/CC – SCC/HĐGD ngày 21 tháng 10 năm 2009 tại Văn Phòng Công chứng B, được Văn phòng Đăng ký đất đai quận Hải Châu chỉnh lý biến động ngày 02/11/2009 trên giấy chứng nhận (không xác định ranh giới). Các đương sự không tranh chấp ½ phần nhà đất đã tặng cho này. Hiện nay nhà cấp 4 mái ngói do 02 cụ Trần Ngọc H và Phạm Thị M tạo dựng không còn. Như vậy ½ nhà đất còn lại là di sản của cụ ông Trần Ngọc H chưa được chia.

Các bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ ông Trần Ngọc H để lại là ½ nhà, đất nói trên.

[2.1.2] Về hàng thừa kế: Cụ Trần Ngọc H và cụ Phạm Thị M sinh được 07 người con là các ông, bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K, Trần Ngọc T, Trần Ngọc L. Các cụ không có con riêng, con nuôi nào khác. Theo xác minh tàng thư của Tòa án tại Công an quận H, tại thời điểm cụ H, cụ M chết, cha mẹ 02 cụ đều đã chết, cụ M chết sau cụ H, do đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ H, cụ M là bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Thu C, bà Trần Thị Thu N, ông Trần Ngọc K, ông Trần Ngọc T, ông Trần Ngọc L. Riêng hàng thừa kế thứ nhất của cụ H có thêm cụ Phạm Thị M.

[2.2] Về giá trị di sản: Căn cứ Chứng thư thẩm định giá, tổng diện tích 214,4m^2 đất hiện có giá trị: 11.973.689.000 đồng. Tổng giá trị nhà là 1.594.720.000 đồng. Tổng cộng giá trị nhà và đất là 13.568.409.000 đồng.

[2.2.1] Hiện nay trên toàn bộ diện tích đất có 02 khối nhà. Khối nhà ở phía trước bao gồm nhà 02 tầng của cụ H, cụ M để lại trị giá 749.280.000 đồng; 01 phòng phía trước lợp tôn (còn gọi là nhà cấp IV) ông L cải tạo, xây dựng thêm để kinh doanh ga trị giá 57.120.000 đồng, hiện nay ông Lcùng vợ là bà Đinh Thị L và con là chị Trần Đình Phương T đang ở. Khối nhà thứ hai phía sau trước đây là nhà cấp 4 của cụ H, cụ M để lại không còn, xây dựng trên nền nhà cấp 4 hiện nay là nhà 01 tầng + tầng lửng trị giá 788.320.000 đồng do vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim K tạo dựng. Hiện nay bà K cùng 02 con là anh Trần Ngọc M, Trần Ngọc Q đang quản lý, sử dụng.

[2.2.2] Tổng giá trị nhà làm thêm của ông L và ông T là 788.320.000 + 57.120.000 = 845.440.000đồng.

[2.2.3] Tổng giá trị nhà sau khi đã trừ đi phần xây dựng thêm của ông Trần Ngọc L và ông Trần Ngọc T còn lại là 1.594.720.000 đ – 845.440.000 = 749.280.000 đồng.

[2.2.4] Tổng giá trị nhà đất sau khi đã trừ đi phần xây dựng thêm của ông Trần Ngọc L và ông Trần Ngọc T còn lại là 13.568.409.000đ - 845.440.000đ = 12.722.969.000đồng.

[2.2.5] Như vậy di sản của cụ ông Trần Ngọc H là ½ giá trị nhà đất còn lại tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K338/57 đường H, tổ 8, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng là 12.722.969.000 đồng : 2 = 6.361.484.500 đồng là đối tượng các bên tranh chấp.

[3] Về công sức quản lý, tôn tạo di sản và xây dựng mồ mả:

[3.1] Tại phiên tòa ông Trần Ngọc L không yêu cầu trích trả 500.000.000 đồng tiền quản lý di sản nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định. Xét thấy, sau khi cụ ông Trần Ngọc H chết, cụ bà Phạm Thị M và 03 con là bà Trần Thị Thu C, ông Trần Ngọc Lvà ông Trần Ngọc T tiếp tục sinh sống, quản lý nhà đất trên. Năm 2020 cụ bà Phạm Thị M chết, do đó việc quản lý nhà đất trên không phải do một mình ông L quản lý. Hơn nữa, năm 2009 ông Lvà ông T là người được cụ Phạm Thị M tặng cho ½ nhà đất này. Hiện nay ông L vẫn tiếp tục sinh sống tại nhà đất trên nên việc ông L tu sửa lại nhà cửa cũng vì mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt, ăn ở của gia đình ông và đóng thuế với nhà nước là phù hợp. Việc ông L có xây thêm 01 phòng phía trước ngôi nhà để kinh doanh ga, là người được hưởng lợi từ di sản, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trích trả phần công sức đóng góp, quản lý di sản của ông L

[3.2] Đối với tiền xây mộ 120.000.000 đồng: Tại phiên tòa ông Trần Ngọc L cho rằng đó là khoản tiền ông tự nguyện trùng tu mộ của cụ ông Trần Ngọc H và toàn bộ khu mộ của gia đình, ông không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết mà tùy vào các đồng thừa kế xem xét. Xét thấy việc xây dựng mộ của ông L là việc trùng tu lại, không phải là chi phí mai táng tại thời điểm chôn cất cụ H, cụ M nên không được ưu tiên thanh toán theo Điều 658 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn xác nhận khoản tiền xây mộ chỉ có 90.000.000 đồng, tự nguyện mỗi người trả 12.857.142 đồng cho ông Hải nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về phân chia di sản: Do cụ ông Trần Ngọc H chết không để lại di chúc nên di sản của cụ được chia theo pháp luật.

[4.1] Di sản của cụ ông có giá trị: 6.361.484.500 đồng

[4.2] Do cụ bà chết sau cụ ông nên di sản của cụ ông: 6.361.484.500 đồng được chia làm 08 kỷ phần cho vợ là cụ bà Phạm Thị M và 07 người con, gồm các ông, bà: Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K, Trần Ngọc T, Trần Ngọc L mỗi kỷ phần là 795.185.563 đồng.

[4.3] Kỷ phần của cụ bà được chuyển tiếp cho 07 người con mỗi người là 113.597.938 đồng.

[4.4] Như vậy các ông, bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K, Trần Ngọc T, Trần Ngọc L mỗi người được nhận kỷ phần của cụ ông và kỷ phần chuyển tiếp của cụ bà là 795.185.563 + 113.597.938 = 908.783.500 đồng.

[5] Về giao di sản:

[5.1] Các đồng thừa kế bà bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K, Trần Ngọc T có yêu cầu nhận kỷ phần bằng tiền. Ông Trần Ngọc L đề nghị nhận hiện vật là phần nhà đất phía trước ông đang ở.

[5.2] Xét thấy: Hiện nay ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc T đang cùng đồng sở hữu chung hợp nhất ½ nhà đất trên tổng diện tích 214,4m^2 đất (theo kết quả đo đạc thực tế) tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K338/57 H, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do không xác định được ranh giới ½ nhà đất đã được chỉnh lý biến động nên để phù hợp với hiện trạng sử dụng, cần thiết phải giao ½ nhà đất còn lại là di sản của cụ ông Trần Ngọc H cho ông Trần Ngọc L ông Trần Ngọc T tiếp tục đồng sở hữu, sử dụng. Ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc T có nghĩa vụ trích trả lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định.

[6] Về trích trả kỷ phần:

[6.1] Kỷ phần ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc L mỗi người được nhận: 908.783.500 đồng. Tổng giá trị phần nhà đất ông L, ông T được nhận mỗi người 3.180.742.250 đồng, do đó ông L, ông T có nghĩa vụ trích trả lại cho 05 đồng thừa kế còn lại mỗi người 908.783.500 : 2 = 454.391.750 đồng. Tổng giá trị ông L, ông T mỗi người phải trích trả cho các đồng thừa kế còn lại là 2.271.958.750 đồng.

[6.2] Chấp nhận sự tự nguyện trả tiền xây mộ 12.857.142 đồng của các bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C cho ông Trần Ngọc L.

[7] Đối với ý kiến của ông Trần Ngọc L về việc cụ ông Trần Ngọc H, cụ bà Phạm Thị M mượn của ông 10 cây vàng 96 theo Đơn xin xác nhận chữ ký năm 2005: Trong giai đoạn công khai chứng cứ và hòa giải, ông Trần Ngọc L đưa ra để các anh chị em xem xét, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa ông L có nêu ra ý kiến nhưng không cung cấp được chữ ký của cụ Trần Ngọc H, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim K: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim K không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của bà với ông Trần Ngọc T là nhà 01 tầng + tầng lửng tọa lạc tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K338/57 H, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Đối với tài sản là nhà cấp IV (phòng lợp tôn), nhà 01 tầng + tầng lửng ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc T làm thêm và ½ nhà, đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai quận Hải Châu chỉnh lý biến động ngày 02/11/2009 cho ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc

T; ông L ông Tkhông yêu cầu tòa án phân chia nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này các bên có nhu cầu có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[10] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Như H, chị Huỳnh Thị Kim Ph: Anh H và chị Ph hiện là chủ sở hữu nhà đất tại địa chỉ K338/59A đường Htổ 8 phường B, quận Ch thành phố Đà Nẵng. Theo trình bày của ông L, anh H, chị Ph và qua kết quả do đạc cho thấy có sự chồng lấn đất giữa nhà ông L với nhà anh H, chị P. Tuy nhiên việc chồng lấn đất giữa 02 nhà không lớn, các bên đã xây dựng nhà ở ổn định từ trước đến nay, hiện tại không ai tranh chấp và cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản 25.000.000 đồng, chi phí đo đạc 5.036.000 đồng, tổng cộng 33.036.000 đồng. Các bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C đã nộp mỗi người 11.012.000 đồng và chi xong.

[12] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 63, 147, 165, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 674; điểm a, khoản 1 Điều 675; Điều 676 Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng Điều 468, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật" của bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C đối với ông Trần Ngọc L.

2. Công nhận phần tài sản là ½ nhà 02 tầng, tường xây, mái đúc; 107.2m^2 đất tại thửa số 391, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K338/57 H, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng trị giá 6.361.484.500 đồng là di sản của cụ ông Trần Ngọc H được chia làm 08 kỷ phần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ bà Phạm Thị M và 07 người con là các ông, bà: Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K, Trần Ngọc T, Trần Ngọc L mỗi kỷ phần là 795.185.563 đồng.

Kỷ phần của cụ bà Phạm Thị M được hưởng từ di sản của cụ ông được thừa kế cho 07 người con là các ông, bà: Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K, Trần Ngọc T, Trần Ngọc L, mỗi người được nhận 113.597.938 đồng.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của các bà: Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C trả tiền xây mộ mỗi người 12.857.142 đồng cho ông Trần Ngọc L.

4. Giao ½ nhà 02 tầng, tường xây, mái đúc; 107.2m^2 đất tại thửa số 391, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K338/57 H, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401100353 ngày 27/6/2000 cho ông Trần Ngọc H, bà Phạm Thị M cho ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc T được quyền sở hữu, sử dụng *(Có trích sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).*

Ông Trần Ngọc T, ông Trần Ngọc Lcó nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với nhà và đất theo quy định pháp luật.

5. Ông Trần Ngọc T có nghĩa vụ trích chia kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Thu C, bà Trần Thị Thu N, ông Trần Ngọc L mỗi người 454.391.750 đồng.

6. Ông Trần Ngọc L có nghĩa vụ trích chia kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị T bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Thu C, bà Trần Thị Thu N, ông Trần Ngọc K mỗi người 454.391.750 đồng.

7. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc các ông, bà: Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C, Trần Thị Thu N, Trần Ngọc K, Trần Ngọc T, Trần Ngọc L mỗi người phải chịu 4.719.429 đồng.

Xác nhận các bà: Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C mỗi người đã nộp 11.012.000 đồng. Ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Thu N, ông Trần Ngọc K, ông Trần Ngọc T phải hoàn lại cho các bà Trần Thị T, Trần Thị Thu H, Trần Thị Thu C mỗi người 1.573.142 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi Hành án.

8. Về án phí:

Bà Trần Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu N, ông Trần Ngọc K, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản mà mình được nhận 39.263.505 đồng.

Xác nhận bà Trần Thị Thu H đã nộp 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000782 ngày 30/3/2022; bà Trần Thị Thu C đã nộp 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000784 ngày 31/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Thu C mỗi người còn phải nộp 32.263.505 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND q. Hải Châu;
- Chi cục q. Hải Châu;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu